

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2019 ĐẾN NGÀY 30/06/2019



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên
Ông Lưu Hoàng Long	Thành viên (đến ngày 04/07/2019)

Ban Điều hành và Kế toán trưởng

Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách chung
Ông Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán Trưởng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Điều hành khẳng định rằng ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 29.3, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ kế toán.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Nghị định 71/2018/NĐ-CP ngày 06/06/2018 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2018/TT-BTC ngày 22/09/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2018/NĐ-CP.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo Giấy ủy quyền số 0635/UQ/ĐT-VP ngày 28/12/2018 của Ông Lê Thanh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam ủy quyền cho Ông Nguyễn Tiến Dũng – Phó Tổng Giám đốc là người ký Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Nguyễn Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2019

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Về Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Việt Nam
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 16/08/2019, từ trang 05 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0798- 2018- 112- 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/06/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		244.978.624.985	354.797.003.816
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	62.181.260.719	92.848.665.568
Tiền	111		5.181.260.719	23.848.665.568
Các khoản tương đương tiền	112		57.000.000.000	69.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	-	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		161.377.749.886	230.690.946.114
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	122.270.099.412	203.899.520.636
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	15	16.937.353.124	17.251.908.410
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		6.506.823.595	6.506.823.595
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	30.102.744.027	17.471.963.745
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(14.439.270.272)	(14.439.270.272)
Hàng tồn kho	140	10	16.474.393.037	16.353.084.398
Hàng tồn kho	141		16.474.393.037	16.353.084.398
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.945.221.343	4.904.307.736
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		215.732.283	166.945.409
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.684.358.557	4.737.362.327
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	45.130.503	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		335.153.506.411	339.773.382.787
Các khoản phải thu dài hạn	210		96.245.200	96.245.200
Phải thu dài hạn khác	216	8	96.245.200	96.245.200
Tài sản cố định	220		52.931.397.864	53.783.725.416
Tài sản cố định hữu hình	221	11	35.162.257.864	36.014.585.416
- Nguyên giá	222		57.710.443.659	57.288.880.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.548.185.795)	(21.274.295.493)
Tài sản cố định vô hình	227	12	17.769.140.000	17.769.140.000
- Nguyên giá	228		18.109.230.400	18.109.230.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.090.400)	(340.090.400)
Tài sản dở dang dài hạn	240	13	5.338.703.214	5.174.157.760
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.338.703.214	5.174.157.760
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	276.752.160.966	280.713.799.311
Đầu tư vào công ty con	251		310.891.300.745	310.891.300.745
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		40.122.608.312	40.122.608.312
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(74.261.748.091)	(70.300.109.746)
Tài sản dài hạn khác	260		34.999.167	5.455.100
Chi phí trả trước dài hạn	261		34.999.167	5.455.100
TỔNG TÀI SẢN	270		580.132.131.396	694.570.386.603

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		77.256.989.044	192.515.348.758
Nợ ngắn hạn	310		76.956.989.044	192.215.348.758
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	51.751.276.806	135.404.462.812
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.035.742.293	1.217.566.889
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	46.225.069	737.640.514
Phải trả người lao động	314		3.229.065.373	4.482.316.920
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		95.131.810	529.654.201
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		217.100.000	256.725.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	11.320.561.282	10.026.459.443
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	5.311.000.000	38.020.039.148
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.950.886.411	1.540.483.831
Nợ dài hạn	330		300.000.000	300.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	18	300.000.000	300.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		502.875.142.352	502.055.037.845
Vốn chủ sở hữu	410	19	502.875.142.352	502.055.037.845
Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		38.679.596.792	38.679.596.792
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.195.545.560	25.375.441.053
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		22.345.964.473	11.371.325.345
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.849.581.087	14.004.115.708
TỔNG NGUỒN VỐN	440		580.132.131.396	694.570.386.603

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu



Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Dũng

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	38.021.968.484	14.627.679.285
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		38.021.968.484	14.627.679.285
Giá vốn hàng bán	11	22	35.075.379.816	12.988.155.541
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.946.588.668	1.639.523.744
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	15.828.209.987	15.019.754.951
Chi phí tài chính	22	24	4.101.072.578	282.769.341
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		139.434.233	101.690.264
Chi phí bán hàng	25	25	180.219.167	96.793.666
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	10.643.975.824	10.891.777.378
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.849.531.086	5.387.938.310
Thu nhập khác	31	26	114.370.779	304.371.700
Chi phí khác	32	27	114.320.778	-
Lợi nhuận khác	40		50.001	304.371.700
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.849.581.087	5.692.310.010
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.849.581.087	

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Văn Tuấn



Nguyễn Trung Dũng



Nguyễn Tiên Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		124.120.473.474	123.249.412.271
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(123.937.281.017)	(107.719.070.800)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(6.785.666.847)	(6.755.943.573)
Tiền lãi vay đã trả	4		(735.891.272)	(101.690.264)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(166.393.382)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		3.022.498.452	2.525.634.717
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(7.081.070.198)	(5.471.148.599)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		(11.563.330.790)	5.727.193.752
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(620.519.818)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	(10.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.470.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.324.078.410	5.511.849.311
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.173.558.592	(4.488.150.689)
Tiền thu từ đi vay	33		35.565.676.030	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(68.274.715.178)	(3.180.822.896)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(568.873.000)	(1.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.277.912.148)	(4.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(30.667.684.346)	(2.000.000.000)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	92.848.665.568	119.604.562.264
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		279.497	(178.470.939)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	62.181.260.719	116.447.199.131

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Vũ Văn Tuấn

Nguyễn Trung Dũng

Nguyễn Tiến Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/09/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04/12/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 15 đường Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty tại Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ là 438.000.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng).

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2019 là 82 người (tại 31/12/2018 là 88 người)

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Quyền sở hữu và biểu quyết
I	Công ty con			
1	Công ty CP Viettronics Đồng Đa	Tầng 3, số 2 Triệu Quốc Đạt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Sản xuất, mua bán thiết bị điện	51,07%
2	Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	15C Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	97,01%
3	Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hoà	204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán sản phẩm điện, điện tử	51,00%
4	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	248A Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	55,54%
5	Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	52-54 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	51,00%
6	Công ty Cổ phần công trình Viettronics	Tầng 5, toàn nhà Sudico, đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	65,00%
7	Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Số 11B Phan Huy Chú, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	91,86%
II	Công ty liên doanh, liên kết			
1	Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền Thông	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, quận Ba Đình, Hà Nội	Sản xuất, mua bán chương trình đào tạo, phần mềm máy tính	35,70%
2	Công ty Cổ phần Viettronimex	74 – 76 Nguyễn Huệ, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	42,16%
3	Công ty CP Cơ Khí Điện tử Phú Thọ Hoà	1026B Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	33,77%
4	Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	26 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	28,52%
5	Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec	48BT3 – Khu biệt thự bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, TP Hà Nội	Sản xuất, Thương mại và dịch vụ	49%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu, hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Tổng Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Tổng Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iv) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (v) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong năm là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư được Tổng Công ty căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

- Công ty liên doanh: là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.
- Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh là thời điểm Công ty đạt được quyền đồng kiểm soát hoặc đạt được quyền biểu quyết ảnh hưởng đáng kể đến bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh trên báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư được Tổng Công ty thực hiện tại thời điểm cuối năm tài chính căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty liên kết, liên doanh và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập tại thời điểm cuối năm tài chính đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; Hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 17/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 147/2016/TT-BTC và Thông tư 45/2013/TT-BTC.

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Tổng Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và lắp đặt

Doanh thu hoạt động cung cấp và lắp đặt thiết bị điện tử cho các dự án được ghi nhận khi các bên nghiệm thu khối lượng hoàn thành lắp đặt và được chấp nhận thanh toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Tổng Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tổng Công ty, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 được Tổng Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	414.755.386	161.933.652
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.766.505.333	23.686.731.916
Các khoản tương đương tiền (*)	57.000.000.000	69.000.000.000
	<u>62.181.260.719</u>	<u>92.848.665.568</u>

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	10.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn (1)	-	10.000.000.000
	<u>-</u>	<u>10.000.000.000</u>

- (1) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 01 năm tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch III. Khoản tiền gửi này được đảm bảo cho hợp đồng vay hạn mức tín dụng số 01/2018/324800/HĐTD ngày 17/08/2018 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch III.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào công ty con	310.891.300.745	(72.985.152.954)	310.891.300.745	(69.023.514.609)
+ Công ty CP Viettronics Đông Đa	11.372.554.053	-	11.372.554.053	-
+ Công ty CP Điện tử Thủ Đức	75.462.731.429	(24.472.421.431)	75.462.731.429	(21.498.991.674)
+ Công ty CP Điện tử Bình Hoà	15.198.723.728	-	15.198.723.728	-
+ Công ty CP Viettronics Tân Bình	133.226.370.342	(21.090.294.342)	133.226.370.342	(21.090.294.342)
+ Công ty CP Điện tử Biên Hoà	35.073.921.193	-	35.073.921.193	-
+ Công ty CP Công trình Viettronics	13.000.000.000	(1.704.772.008)	13.000.000.000	(1.093.736.485)
+ Công ty CP Viettronics Công Nghiệp	27.557.000.000	(25.717.665.173)	27.557.000.000	(25.340.492.107)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	40.122.608.312	(1.276.595.137)	40.122.608.312	(1.276.595.137)
+ Công ty CP Máy tính và Truyền Thông	21.684.417.517	-	21.684.417.517	-
+ Công ty CP Viettronimex	13.987.729.333	-	13.987.729.333	-
+ Công ty ĐT Y tế Kỹ thuật cao Amec	1.276.595.137	(1.276.595.137)	1.276.595.137	(1.276.595.137)
+ Công ty CP CK ĐT Phú Thọ Hoà	2.278.518.130	-	2.278.518.130	-
+ Công ty CP Máy tính Việt Nam	895.348.195	-	895.348.195	-
	351.013.909.057	(74.261.748.091)	351.013.909.057	(70.300.109.746)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	122.270.099.412	(7.245.575.311)	203.899.520.636	(7.245.575.311)
- Công ty Cổ phần Xây dựng và dịch vụ Công nghiệp Thăng Long	25.320.305.295	-	82.470.085.791	-
- Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Phúc	34.832.914.744	-	41.049.186.348	-
- Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	2.119.911.316	-	18.255.859.712	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	782.988.019	-	782.988.019	-
- Tổng Công ty Sông Đà	12.049.075.976	-	12.049.075.976	-
- Ban quản lý Dự án thủy điện 7	900.000.000	(630.000.000)	900.000.000	(630.000.000)
- Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc - Chi nhánh Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia	32.270.985.759	-	32.325.399.655	-
- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	(2.800.000.000)	2.800.000.000	(2.800.000.000)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	11.193.918.303	(3.815.575.311)	13.266.925.135	(3.815.575.311)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	7.673.705	-	7.673.705	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	7.673.705	-	7.673.705	-
	122.270.099.412	(7.245.575.311)	203.899.520.636	(7.245.575.311)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	30.102.744.027	(2.339.343.961)	17.471.963.745	(2.339.343.961)
- Tạm ứng	2.965.500.334	-	2.367.545.284	-
- Các khoản phải thu khác	27.137.243.693	(2.339.343.961)	15.104.418.461	(2.339.343.961)
+ Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	8.290.603.552	-	8.290.603.552	-
+ Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	2.107.997.573	(2.107.997.573)
+ Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	561.800.000	-	561.800.000	-
+ Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	727.549.722	-	727.549.722	-
+ Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	309.051.054	-	309.051.054	-
+ Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An	2.694.230.000	-	2.694.230.000	-
+ Phải thu tiền cổ tức của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	9.982.440.000	-	-	-
+ Phải thu các đối tượng khác	2.463.571.792	(231.346.388)	413.186.560	(231.346.388)
Dài hạn	96.245.200	-	96.245.200	-
- Khoản phải thu Cổ phần hóa tại Trường CĐ nghề Viettronics	64.245.200	-	64.245.200	-
- Trung tâm dịch vụ Thuận - Trường CĐ nghề Viettronics	32.000.000	-	32.000.000	-
	30.198.989.227	(2.339.343.961)	17.568.208.945	(2.339.343.961)
Phải thu khác là các bên liên quan	19.871.444.328	-	9.889.004.328	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	8.290.603.552	-	8.290.603.552	-
- Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	309.051.054	-	309.051.054	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	561.800.000	-	561.800.000	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	9.982.440.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	727.549.722	-	727.549.722	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. NỢ XẤU

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	14.709.270.272	270.000.000	14.709.270.272	270.000.000
Phải thu khách hàng	7.515.575.311	270.000.000	7.515.575.311	270.000.000
- Ban quản lý Dự án thủy điện 7	900.000.000	270.000.000	900.000.000	270.000.000
- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	-	2.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện tử Công nghiệp Việt Nam	1.161.897.311	-	1.161.897.311	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư Phát triển Đô thị	2.653.678.000	-	2.653.678.000	-
Trả trước cho người bán	4.854.351.000	-	4.854.351.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	-	4.854.351.000	-
Các khoản phải thu khác	2.339.343.961	-	2.339.343.961	-
- Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	-	2.107.997.573	-
- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	231.346.388	-	231.346.388	-
	14.709.270.272	270.000.000	14.709.270.272	270.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.420.273.037	-	16.298.964.398	-
Hàng hóa	54.120.000	-	54.120.000	-
	16.474.393.037	-	16.353.084.398	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2019	50.100.632.438	560.839.395	6.322.355.756	305.053.320	57.288.880.909
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	492.338.000	-	-	-	492.338.000
- Thanh lý, nhượng bán	(32.000.250)	(38.775.000)	-	-	(70.775.250)
30/06/2019	50.560.970.188	522.064.395	6.322.355.756	305.053.320	57.710.443.659
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2019	(14.740.943.281)	(557.454.260)	(5.670.844.632)	(305.053.320)	(21.274.295.493)
- Khấu hao trong kỳ	(1.150.160.418)	(3.385.135)	(191.119.999)	-	(1.344.665.552)
- Thanh lý, nhượng bán	32.000.250	38.775.000	-	-	70.775.250
30/06/2019	(15.859.103.449)	(522.064.395)	(5.861.964.631)	(305.053.320)	(22.548.185.795)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2019	35.359.689.157	3.385.135	651.511.124	-	36.014.585.416
30/06/2019	34.701.866.739	-	460.391.125	-	35.162.257.864

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2019 là 8.234.230.529 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2019	17.769.140.000	340.090.400	18.109.230.400
30/06/2019	<u>17.769.140.000</u>	<u>340.090.400</u>	<u>18.109.230.400</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2019	-	(340.090.400)	(340.090.400)
30/06/2019	<u>-</u>	<u>(340.090.400)</u>	<u>(340.090.400)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2019	<u>17.769.140.000</u>	<u>-</u>	<u>17.769.140.000</u>
30/06/2019	<u>17.769.140.000</u>	<u>-</u>	<u>17.769.140.000</u>

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2019 số tiền: 340.090.400 đồng.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2019 <u>VND</u>	01/01/2019 <u>VND</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	<u>5.338.703.214</u>	<u>5.174.157.760</u>
+ Công trình Trụ sở Tổng Công ty tại Cầu Giấy, Hà Nội	4.716.893.636	4.552.348.182
+ Công trình tại Trường Cao đẳng nghề Viettronics	621.809.578	621.809.578
	<u>5.338.703.214</u>	<u>5.174.157.760</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	51.751.276.806	51.751.276.806	135.404.462.812	135.404.462.812
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	2.354.750.661	2.354.750.661	2.354.750.661	2.354.750.661
- Công ty Cổ phần YOTEK	1.747.211.452	1.747.211.452	7.930.227.036	7.930.227.036
- Công ty CP Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thông tin	1.988.117.169	1.988.117.169	1.988.117.169	1.988.117.169
- Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu khí Biên Hòa	26.646.623.668	26.646.623.668	28.458.201.661	28.458.201.661
- Công ty Cổ phần Kiến trúc và Môi trường	6.169.786.971	6.169.786.971	6.169.786.971	6.169.786.971
- Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Thịnh Phát	8.000	8.000	25.748.250.000	25.748.250.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Hoàng Kim VKP	-	-	34.022.031.964	34.022.031.964
- Các đối tượng khác	12.844.778.885	12.844.778.885	28.733.097.350	28.733.097.350
	51.751.276.806	51.751.276.806	135.404.462.812	135.404.462.812
Phải trả người bán là các bên liên quan	4.443.054.544	4.443.054.544	4.443.054.544	4.443.054.544
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	2.354.750.661	2.354.750.661	2.354.750.661	2.354.750.661
- Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	2.088.303.883	2.088.303.883	2.088.303.883	2.088.303.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	16.937.353.124	(4.854.351.000)	17.251.908.410	(4.854.351.000)
- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	4.466.930.000	-	5.883.930.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	(4.854.351.000)	4.854.351.000	(4.854.351.000)
- Công ty TNHH kỹ thuật và dịch vụ HEP	2.654.050.150	-	2.654.050.150	-
- Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất Quỳnh Châu	2.030.077.867	-	2.030.077.867	-
- Trả trước cho người bán khác	2.931.944.107	-	1.829.499.393	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
	16.937.353.124	(4.854.351.000)	17.251.908.410	(4.854.351.000)
Trả trước cho người bán là bên liên quan	4.466.930.000	-	5.883.930.000	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	4.466.930.000	-	5.883.930.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2019 VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	3.743.151.811	3.743.151.811	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	121.262.879	-	121.262.879	-
- Thuế thu nhập cá nhân	616.377.635	104.131.003	674.283.569	46.225.069
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	8.292.188	8.292.188	-
- Các loại thuế khác	-	11.001.220	11.001.220	-
	737.640.514	3.866.576.222	4.557.991.667	46.225.069
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	45.130.503	45.130.503
	-	-	45.130.503	45.130.503

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn	5.311.000.000	5.311.000.000	68.274.715.178	38.020.039.148
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch III (1)	5.311.000.000	5.311.000.000	68.274.715.178	38.020.039.148
	5.311.000.000	5.311.000.000	68.274.715.178	38.020.039.148

(1) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2018/324800/HSTD ngày 26/11/2018 với điều khoản:

Hạn mức: 150.000.000.000 đồng;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;

Thời hạn: 12 tháng;

Lãi suất: Lãi suất theo từng lần nhận nợ;

Tài sản đảm bảo: Các hợp đồng tiền gửi của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	11.320.561.282	10.026.459.443
- Kinh phí công đoàn	40.491.977	14.896.436
- Bảo hiểm xã hội	34.893.250	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.245.176.055	10.011.563.007
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	4.048.077.300	4.616.950.300
+ <i>Tiền đặt cọc mua cổ phần của ông Võ Anh Tú tại Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa</i>	1.470.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	37.805.211	37.805.211
+ Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	3.486.823.595	3.486.823.595
+ Nộp tiền đất Long An	1.302.400.000	1.302.400.000
+ Các khoản phải trả khác	900.069.949	676.783.901
Dài hạn	300.000.000	300.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	300.000.000	300.000.000
	11.620.561.282	10.326.459.443
Phải trả khác là các bên liên quan	3.524.628.806	3.524.628.806
- Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	3.486.823.595	3.486.823.595
- Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	37.805.211	37.805.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	phát triển	sau thuế	
	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	438.000.000.000	38.679.596.792	37.454.902.811	514.134.499.603
- Lãi trong năm trước	-	-	14.004.115.708	14.004.115.708
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(25.499.483.256)	(25.499.483.256)
+ Chia cổ tức	-	-	(21.900.000.000)	(21.900.000.000)
+ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.599.483.256)	(3.599.483.256)
- Giảm khác	-	-	(584.094.210)	(584.094.210)
31/12/2018	438.000.000.000	38.679.596.792	25.375.441.053	502.055.037.845
01/01/2019	438.000.000.000	38.679.596.792	25.375.441.053	502.055.037.845
- Lãi trong kỳ này	-	-	3.849.581.087	3.849.581.087
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(3.029.476.580)	(3.029.476.580)
+ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.029.476.580)	(3.029.476.580)
30/06/2019	438.000.000.000	38.679.596.792	26.195.545.560	502.875.142.352

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết 01/NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 05 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	385.297.500.000	385.297.500.000
- Các đối tượng khác	52.702.500.000	52.702.500.000
	438.000.000.000	438.000.000.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000
- Lợi nhuận đã phân phối	3.029.476.580	25.499.483.256

19.4 CÁC QUỸ

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	38.679.596.792	38.679.596.792

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và lắp đặt	35.218.140.470	12.834.349.770
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.803.828.014	1.793.329.515
	38.021.968.484	14.627.679.285
Doanh thu với các bên liên quan	-	113.317.976
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	-	113.317.976

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Giá vốn bán hàng, lắp đặt	34.375.896.283	12.100.884.349
Giá vốn cung cấp dịch vụ	699.483.533	887.271.192
	35.075.379.816	12.988.155.541

22. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	2.395.822.426	2.781.716.056
Cổ tức và lợi nhuận được chia	13.339.453.000	11.873.676.326
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	30.952.735	364.362.569
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	61.981.826	-
	15.828.209.987	15.019.754.951

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí lãi vay	139.434.233	101.690.264
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	181.079.077
Dự phòng/Hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	3.961.638.345	-
	4.101.072.578	282.769.341

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	10.643.975.824	10.891.777.378
Chi phí nhân viên quản lý	6.169.469.888	5.748.612.162
Chi phí đồ dùng văn phòng	26.147.216	49.919.227
Chi phí khấu hao	1.290.977.260	1.293.087.126
Chi phí thuế, phí, lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	899.850.667	177.272.727
Chi phí bằng tiền khác	2.254.530.793	3.622.886.136
Các khoản chi phí bán hàng	180.219.167	96.793.666
Chi phí dự thầu	78.837.532	52.766.666
Chi phí bằng tiền khác	101.381.635	44.027.000
	10.824.194.991	10.988.571.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tiền nộp phạt vi phạm hợp đồng	114.320.778	303.100.000
Các khoản khác	50.001	1.271.700
	114.370.779	304.371.700

26. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Phạt chất lượng hợp đồng	114.320.778	-
	114.320.778	-

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	34.160.751.528	10.314.095.376
Chi phí nhân công	6.561.461.320	5.905.056.883
Chi phí đồ dùng văn phòng	57.747.365	91.073.444
Khấu hao tài sản cố định	1.344.665.552	1.390.411.904
Chi phí thuế, phí, lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	993.940.664	177.272.727
Chi phí bằng tiền khác	2.899.317.017	6.098.816.251
	46.020.883.446	23.976.726.585

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.849.581.087	5.692.310.010
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	(13.339.453.000)	(11.873.676.326)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(13.339.453.000)	(11.873.676.326)
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	(9.489.871.913)	(6.181.366.316)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. THÔNG TIN KHÁC

29.1. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban điều hành

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Thu nhập của Ban điều hành	368.400.000	442.800.000
Tiền lương, thưởng	368.400.000	442.800.000

Giao dịch với các bên liên quan

	Bản chất bên liên quan	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Bán hàng		-	113.317.976
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	Công ty con	-	113.317.976
Cổ tức được chia		13.339.453.000	11.873.676.326
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	Công ty con	9.982.440.000	9.982.440.000
Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện tử Phú Thọ Hoà	Công ty liên kết	309.975.000	247.980.000
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết	128.325.000	128.325.000
Công ty Cổ phần Máy tính & Truyền thông VN	Công ty liên kết	1.071.000.000	428.400.000
Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết	1.847.713.000	1.086.531.326
Bù trừ công nợ và cho vay			
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Công ty con	-	10.225.261.849

Số dư các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu về cho vay			
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con	6.506.823.595	6.506.823.595

29.2. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại:		
+ USD	1.119,58	27.444,20
+ EUR	576,92	576,92

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

29.3. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 09/07/2019, Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đã chuyển nhượng toàn bộ 1.123.600 cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa cho Bà Võ Anh Tú và Ông Nguyễn Quang Khánh, tương đương với tỷ lệ 51,07% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa theo Quyết định số 301/QĐ/ĐT-KHĐT cùng ngày.

29.4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được soát xét của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Dũng

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng